

**ĐỊNH HƯỚNG TRỌNG TÂM
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ NĂM 2027
CỦA 10 TIỂU BAN CHUYÊN MÔN THUỘC HỘI ĐỒNG
KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

I. TIỂU BAN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

1. Nghiên cứu khoa học cơ bản – Khoa học tự nhiên hình thành tri thức mới đảm bảo khoa học và học thuật sử dụng trong quá trình đào tạo bậc đại học và sau đại học;
2. Nghiên cứu cơ bản về lĩnh vực khoa học tự nhiên định hướng ứng dụng trong nông nghiệp, thủy sản, môi trường và các lĩnh vực khác;
3. Trí tuệ nhân tạo, máy học trong khoa học tự nhiên;
4. Nghiên cứu xây dựng và ứng dụng học liệu số trong quá trình đào tạo thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên;
5. Nghiên cứu dược liệu và ly trích các hợp chất tự nhiên thuộc lĩnh vực hóa công nghệ, hóa mỹ phẩm và hóa dược;
6. Đa dạng sinh học các nguồn tài nguyên động vật, thực vật và vi sinh vật; hoạt tính sinh học và thử nghiệm sinh học;
7. Nghiên cứu cơ bản phân tử và vật liệu định hướng cho phát triển thuốc và linh kiện điện tử, quang điện tử thế hệ mới;
8. Nghiên cứu lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học sự sống định hướng ứng dụng trong lĩnh vực khoa học sức khỏe.

II. TIỂU BAN CÔNG NGHỆ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Chủ đề nghiên cứu khoa học của năm 2027:

- Chủ đề 1: Ứng dụng công nghệ số và kỹ thuật công nghệ;
- Chủ đề 2: Ứng dụng khoa học công nghệ phát triển cơ giới hóa, tự động hóa đồng bộ trong nông nghiệp, thủy sản, môi trường.

Một số vấn đề trọng tâm cần nghiên cứu:

1. Trí tuệ nhân tạo, máy học và khai phá dữ liệu, thị giác máy tính và nhận dạng mẫu, xử lý ngôn ngữ tự nhiên, khai phá văn bản và web, khai phá mạng xã hội, tin sinh học, mạng nơ-ron và tính toán tiến hóa;
2. Các hệ thống thông tin thông minh, mạng máy tính và an ninh mạng, mạng cảm biến không dây;
3. Công nghệ tri thức, công nghệ phần mềm, tính toán mềm, tương tác người-máy, hệ thống tính toán lớn;
4. Quy trình công nghệ, thiết bị, máy móc, công cụ phục vụ cơ giới hóa, tự động hóa trong nông nghiệp, thủy sản và phát triển bền vững kinh tế - xã hội;
5. Năng lượng tái tạo; vật liệu, năng lượng từ phụ phẩm nông nghiệp, thủy sản; tiết kiệm năng lượng hiệu quả;

6. Vật liệu mới, kỹ thuật và công nghệ mới liên quan các lĩnh vực: sau thu hoạch, chế biến, thủy sản, xây dựng, hóa chất, cơ khí, tự động, điện công nghiệp;
7. Logistic & quản lý chuỗi cung ứng, nâng cao chuỗi giá trị hàng hóa, gia tăng giá trị sản xuất hàng hóa các ngành hàng chủ lực của ĐBSCL;
8. Nâng cao chất lượng cuộc sống, sức khỏe cộng đồng;
9. An toàn giao thông, phát triển đô thị, bảo vệ môi trường sinh thái;
10. Các nghiên cứu cơ bản khác có khả năng công bố khoa học uy tín.

Ngoài ra, Tiểu ban Chuyên môn cũng kêu gọi các đề xuất cấp thiết khác do nhu cầu xã hội đặt ra và ưu tiên cho các đề xuất liên ngành.

III. TIỂU BAN MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

1. Nghiên cứu diễn biến và dự báo thay đổi môi trường đất, nước, không khí, xâm nhập mặn và đa dạng sinh học;
2. Nghiên cứu ảnh hưởng và cảnh báo ảnh hưởng ô nhiễm môi trường đến sinh vật và sinh thái;
3. Nghiên cứu kiểm soát, xử lý ô nhiễm và tuần hoàn trong quản lý, sử dụng tài nguyên và môi trường;
4. Nghiên cứu kiểm kê phát thải, giảm phát thải khí kính, sử dụng năng lượng tái tạo và công nghệ sạch hơn và kinh tế tuần hoàn trong sản xuất;
5. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ vật liệu, công nghệ nano và công nghệ sinh thái trong xử lý ô nhiễm môi trường;
6. Nghiên cứu giải pháp cấp và thoát nước;
7. Nghiên cứu chuyển đổi số trong quản lý tài nguyên - môi trường;
8. Nghiên cứu quy hoạch sử dụng tài nguyên, môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học;
9. Nghiên cứu áp dụng công nghệ cao trong quan trắc, mô phỏng và tối ưu sử dụng tài nguyên;
10. Tích hợp đa công cụ, công nghệ mới trong quản lý và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên và môi trường.

IV. TIỂU BAN KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Công nghệ sinh học về giống và Ứng dụng kỹ thuật gen

- Sử dụng kỹ thuật sinh học mới nghiên cứu chọn giống cây trồng, vật nuôi, cải thiện năng suất, chất lượng, kháng bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu đối với các giống loài đã có;
- Sử dụng các kỹ thuật gen để chọn lọc, quản lý và khai thác nguồn gen của giống cây trồng và vật nuôi quý để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, khả năng chống chịu với thay đổi môi trường;
- Khai thác, bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên di truyền thực vật, động vật (bao gồm ngân hàng gen); thu thập, đánh giá và giải mã gen, ứng dụng các gen có giá trị kinh tế phục vụ công tác chọn tạo giống.

- Phát triển và ứng dụng các phương pháp gây tạo đột biến kết hợp với ứng dụng công nghệ sinh học nuôi cấy mô và tế bào, chỉ thị phân tử;
- Sử dụng các phương pháp Marker Assisted Selection (MAS) và Marker Assisted Backcrossing (MABC) chọn tạo giống cây trồng.

2. Công nghệ vi sinh

Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất thử nghiệm các chế phẩm sinh học làm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm vi sinh trong phòng sinh vật gây hại cây trồng, vật nuôi và nông sản (Ưu tiên các nghiên cứu hoàn thiện để tạo sản phẩm thương mại);

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất các chế phẩm sinh học làm thành phần bổ sung trong thức ăn chăn nuôi và xử lý chuồng trại.

3. Sinh học cây trồng vật nuôi

- Ứng dụng công nghệ sinh học và công nghệ mới trong nghiên cứu cây trồng, vật nuôi phục vụ phát triển kỹ thuật canh tác đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao;
- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học tế bào trong lai tạo, chọn lọc và nhân nhanh các giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao và thích ứng biến đổi khí hậu, trong đó tập trung vào các đối tượng cây trồng chủ lực và có thể mạnh ở địa phương.

4. Quản lý dịch bệnh cây trồng và vật nuôi

- Ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử để phát hiện, chẩn đoán, phát triển các quy trình và kit chẩn đoán nhanh và chính xác các vi khuẩn, vi-rút,... gây bệnh trên cây trồng và vật nuôi (Ưu tiên nghiên cứu hoàn thiện để tạo các kit chẩn đoán bệnh);
- Nghiên cứu phát triển các nguồn vật liệu thân thiện với môi trường để phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng và vật nuôi.

5. Kỹ thuật canh tác và Công nghệ nuôi mới

- Ứng dụng kỹ thuật mới để xây dựng các mô hình sản xuất có năng suất chất lượng cao, điều khiển ra hoa/trái và chất lượng trái cây trồng, giảm phân bón, hoá chất, giảm tác động môi trường, giảm chi phí sản xuất,...
- Ứng dụng các công nghệ trong nhà màng/nhà lưới, công nghệ tưới tiêu và cung cấp dinh dưỡng (ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa,...);
- Nghiên cứu và cải tiến các quy trình canh tác ứng dụng công nghệ cao thích ứng với điều kiện các vùng sinh thái khác nhau, biến đổi khí hậu trên đối tượng vật nuôi, cây trồng, nấm ăn và dược liệu;
- Phát triển và ứng dụng các công nghệ tiên tiến để nâng cao năng suất, hiệu quả, bền vững, tạo sản phẩm sạch và hạn chế tác động môi trường trong chăn nuôi.

6. Công nghệ ly trích

- Nghiên cứu công nghệ chiết xuất các hoạt chất sinh học (từ cây trồng, vật nuôi) dùng trong sản xuất dược phẩm, thực phẩm chức năng, thuốc phòng trừ bệnh hại trên cây trồng, vật nuôi (chú trọng khai thác cây dược liệu địa phương);
- Nghiên cứu công nghệ ly trích CO₂ siêu tới hạn, công nghệ ly trích xanh các hoạt chất sinh học, tinh dầu,... trong các cây dược liệu địa phương.

7. Quản lý sức khỏe đất và cây trồng

- Nghiên cứu phương pháp chẩn đoán và biện pháp xử lý hiệu quả một số yếu tố bất lợi về đất cho các cây trồng chính ở ĐBSCL;
- Nghiên cứu xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong phục hồi, bảo vệ sức khỏe cho đất và cây trồng.

8. Công nghệ phục vụ phát triển nông thôn

- Bao gồm các nghiên cứu kỹ thuật canh tác và công nghệ nuôi mới; Nghiên cứu mô hình canh tác, công nghệ làm giảm giá thành sản xuất, giảm thất thoát sau thu hoạch, nâng cao giá trị gia tăng;
- Nghiên cứu các mô hình sản xuất phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp, thích ứng biến đổi khí hậu.

V. TIÊU BAN CÔNG NGHỆ SINH HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

1. Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn, tạo và nhân giống cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản năng suất cao, phẩm chất tốt, có khả năng thích ứng biến đổi khí hậu;
2. Ứng dụng công nghệ sinh học trong sưu tầm, bảo quản và phát triển nguồn gen của giống cây trồng, vật nuôi thủy hải sản bản địa;
3. Ứng dụng công nghệ sinh học trong khai thác các hợp chất sinh học quý trong cây trồng, vi sinh vật phục vụ đời sống;
4. Công nghệ tế bào gốc các ứng dụng và nghiên cứu liên quan;
5. Ứng dụng công nghệ trong chế biến các phụ phẩm nông nghiệp, thủy sản nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường và tăng giá trị nông, thủy sản;
6. Ứng dụng công nghệ trong chế biến vào tạo các sản phẩm thực phẩm từ nông, lâm thủy sản có giá trị;
7. Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong bảo quản các sản phẩm được thu hoạch hoặc chế biến từ nông, lâm, thủy sản;
8. Phân lập tuyển chọn vi sinh vật có lợi ứng dụng trong nông nghiệp, thực phẩm, y dược, thủy sản, môi trường;
9. Ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông, lâm, thủy sản theo mô hình công nghệ cao;
10. Ứng dụng công nghệ sinh học trong chẩn đoán bệnh hại cây trồng.

VI. TIÊU BAN THỦY SẢN

1. Nghiên cứu và ứng dụng kỹ thuật gen

- Nghiên cứu đa dạng nguồn gen các loài thủy sản bản địa, làm cơ sở bảo tồn và nuôi thủy sản;
- Nghiên cứu ứng dụng các chỉ thị phân tử trong định danh, phân loại các loài động vật thủy sản;
- Nghiên cứu chọn giống dựa trên chỉ thị phân tử;
- Nghiên cứu biểu hiện gen của động vật thủy sản trong các điều kiện nuôi khác nhau.

2. Công nghệ vi sinh, quản lý môi trường nước và gây nuôi thức ăn tự nhiên

- Nghiên cứu phát triển và ứng dụng vi sinh vật có lợi trong sản xuất giống và nuôi thủy sản;
- Nghiên cứu phát triển qui trình phân lập và ứng dụng một số loài thức ăn tự nhiên như vi tảo, luân trùng, copepod, giun nhiều tơ... phục vụ sản xuất giống và nuôi thủy sản;
- Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển các nguồn thức ăn tự nhiên trong các hệ thống nuôi tôm quảng canh cải tiến (tôm-rừng, tôm-lúa);
- Nghiên cứu biện pháp tạo trứng bào xác từ một số loài copepoda ứng dụng làm thức ăn ương ấu trùng cá biển;
- Nghiên cứu nhu cầu dinh dưỡng và phát triển công thức dinh dưỡng phù hợp nhằm điều khiển sự phát triển của vi tảo có lợi trong ao nuôi thủy sản thâm canh và siêu thâm canh;
- Nghiên cứu một số biện pháp hạn chế tảo gây hại trong các ao nuôi thủy sản nhằm giảm thiểu tác hại của tảo trong các ao nuôi thủy sản trong điều kiện biến đổi khí hậu;
- Nghiên cứu phát triển các nguồn thức ăn tự nhiên trong các hệ thống nuôi tôm quảng canh cải tiến, nuôi tôm kết hợp (tôm-lúa, tôm rừng) theo hướng hữu cơ và tăng năng suất tôm nuôi;
- Nghiên cứu các biện pháp xử lý và tái sử dụng nước thải, chất thải từ hệ thống nuôi thủy sản thâm canh gây nuôi thức ăn tự nhiên;
- Nghiên cứu các mô hình nuôi theo hướng kinh tế tuần hoàn qua việc tái sử dụng nước thải, chất thải từ hệ thống nuôi thủy sản thâm canh gây nuôi các đối tượng thức ăn tự nhiên, rong, tảo làm thức ăn cho thủy sản;
- Đánh giá và nghiên cứu các giải pháp giảm khí phát thải nhà kính trong các mô hình nuôi thủy sản;
- Nghiên cứu đa dạng sinh học thủy sinh vật trong các hệ sinh thái thủy vực ở ĐBSCL.

3. Quản lý dịch bệnh

- Ứng dụng và phát triển các quy trình chẩn đoán nhanh và chính xác một số tác nhân gây bệnh phổ biến trên một số loài cá, tôm nuôi phổ biến;

- Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giám sát dịch bệnh trên các đối tượng nuôi thủy sản;
- Nghiên cứu các phương pháp phòng bệnh cho động vật thủy sản nuôi theo hướng an toàn sinh học;
- Nghiên cứu sàng lọc hoạt tính kháng khuẩn và khả năng ứng dụng một số chất chiết xuất thảo dược trong nuôi trồng thủy sản;
- Nghiên cứu xác định tác nhân gây bệnh của các bệnh mới nổi trên động vật thủy sản;

4. Công nghệ giống

- Nghiên cứu phát triển công nghệ nhằm nâng cao chất lượng nuôi tôm cá bố mẹ và con giống (gia hóa, chọn lọc; dinh dưỡng – thức ăn; hệ thống nuôi);
- Nghiên cứu thuần hóa và sản xuất giống các đối tượng bản địa có tiềm năng phát triển nuôi thương phẩm và làm cảnh;
- Nghiên cứu cải thiện chất lượng giống một số loài thủy sản nuôi quan trọng;
- Nghiên cứu phát triển kỹ thuật kích thích sinh sản theo hướng an toàn thực phẩm và đáp ứng các chuẩn thương mại.

5. Công nghệ nuôi mới và phát triển thức ăn thủy sản

- Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các hệ thống nuôi hiện đại và bền vững (tuần hoàn nước, bioflocs, kết hợp aquaponic, kết hợp đa loài, nuôi biển...) các đối tượng thủy sản;
- Nghiên cứu nhu cầu dinh dưỡng và phát triển công thức thức ăn cho một số loài thủy sản nuôi quan trọng;
- Nghiên cứu sử dụng các nguồn nguyên liệu mới thay thế đạm động vật phát triển thức ăn cho các đối tượng nuôi thương phẩm;
- Nghiên cứu sử dụng nguyên liệu và phát triển công thức thức ăn theo hướng giảm phát thải nhà kính;
- Nghiên cứu các kỹ thuật quan trắc môi trường phục vụ các hệ thống nuôi hiện đại theo hướng bền vững, ứng phó biến đổi khí hậu;
- Ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo nhằm nâng cao hiệu quả và an toàn trong nuôi trồng thủy sản.

6. Công nghệ ly trích

- Nghiên cứu hoạt chất sinh học từ động thực vật thủy sinh cho nuôi trồng thủy sản và thực phẩm chức năng;
- Nghiên cứu chọn lọc vi tảo có khả năng kháng vi khuẩn gây bệnh nhằm ứng dụng trong sản xuất giống và nuôi thủy sản thâm canh;
- Nghiên cứu ảnh hưởng của chiết xuất từ thực vật giàu hàm lượng hoạt chất sinh học lên miễn dịch, khả năng chống chịu stress và đề kháng bệnh của động vật thủy sản dưới ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

7. Công nghệ chế biến và an toàn thực phẩm

- Phát triển sản phẩm thủy sản mới có giá trị dinh dưỡng, chức năng; nghiên cứu bảo quản, đảm bảo chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm;
- Nghiên cứu được động học tồn lưu kháng sinh, độc chất và vi sinh vật gây bệnh; đánh giá ảnh hưởng của các hợp chất/hợp chất sinh học đến chất lượng sản phẩm;
- Tận dụng phụ phẩm thủy sản để tách chiết các hợp chất sinh học giá trị cao và sản xuất màng bao sinh học tự hủy ứng dụng trong bao gói, bảo quản thực phẩm;
- Phát triển sản phẩm truyền thống và đặc trưng địa phương, bao gồm các sản phẩm lên men, thủy phân protein và các sản phẩm chế biến khác;
- Phân lập, định danh và ứng dụng vi sinh vật có lợi trong chế biến, bảo quản và nâng cao giá trị sản phẩm thủy sản.

8. Sinh học vật nuôi

- Nghiên cứu khả năng thích ứng của một số loài nuôi thủy sản với biến đổi khí hậu và nước biển dâng;
- Nghiên cứu đặc điểm sinh học các loài thủy sản bản địa và di nhập phục vụ cho thuần hóa, sản xuất giống và đa dạng hóa đối tượng nuôi thủy sản.

9. Quản lý thủy sản

- Nghiên cứu đa dạng nguồn lợi thủy sản và ứng dụng GIS trong quản lý và bảo tồn nguồn lợi thủy sản;
- Đánh giá trữ lượng và phát triển các mô hình khai thác nguồn lợi thủy sản bền vững;
- Nghiên cứu ứng dụng các mô hình quản lý thủy sản dựa vào cộng đồng và quản lý hệ sinh thái;
- Nghiên cứu tập tính và đặc điểm di cư của các loài thủy sản tự nhiên;
- Ứng dụng công nghệ số trong việc quản lý các mô hình tái tạo, bảo tồn và phát triển nông lâm thủy sản ở ĐBSCL;
- Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với lĩnh vực thủy sản (nuôi trồng và khai thác) và biện pháp thích ứng;
- Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội nghề cá; kinh tế tài nguyên và hiệu quả sản xuất, tổ chức vận hành các mô hình sản xuất thủy sản có trách nhiệm. Nghiên cứu truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản, nghiên cứu thị trường và tiêu thụ sản phẩm thủy sản, nghiên cứu chuỗi giá trị sản phẩm thủy sản và nghiên cứu hoạt động quản lý chất lượng theo chuỗi giá trị ngành hàng thủy sản. Nghiên cứu xây dựng mô hình chuỗi cung ứng, nghiên cứu mô hình kinh tế tập thể và nâng cao năng lực cho tổ chức hợp tác xã;
- Nghiên cứu phát triển kinh tế biển: Nuôi biển, tiềm năng kinh tế và giảm phát thải của các loài rong biển và tảo biển có giá trị kinh tế;
- Nghiên cứu tập tính di cư, độ tuổi và mô hình khai thác tối ưu bền vững trong khai thác thủy sản;
- Nghiên cứu kinh tế tuần hoàn trong thủy sản.

VII. TIỂU BAN KHOA HỌC GIÁO DỤC

1. Khai thác trí tuệ nhân tạo AI, ứng dụng công nghệ giáo dục vào dạy học.
2. Giải pháp phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học, đánh giá trong dạy học.
3. Tăng cường hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM và tương tác trong dạy học.
4. Giải pháp đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học
5. Tâm lý học đường, các mô hình quản lý giáo dục.

VIII. TIỂU BAN KH XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN – KH CHÍNH TRỊ

1. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn ở Đại học Cần Thơ;
2. Những vấn đề văn hóa – xã hội: dân cư – dân tộc, tôn giáo – tín ngưỡng, báo chí truyền thông, văn học – nghệ thuật, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, bình đẳng giới, xóa đói giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, phát triển du lịch, v.v...
3. Khoa học xã hội và nhân văn góp phần phát triển bền vững vùng ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu, hội nhập quốc tế và cách mạng 4.0;
4. Giáo dục lý luận Chính trị với sự phát triển kinh tế - xã hội;
5. Dạy và học Lý luận Chính trị trong xu thế hội nhập;
6. Đào tạo nguồn nhân lực chuyên về lý luận - Những vấn đề đặt ra ở ĐBSCL.

IX. TIỂU BAN KINH TẾ - LUẬT

1. Pháp luật kinh tế trong xu thế phát triển bền vững;
2. Pháp luật về kinh doanh có trách nhiệm;
3. Pháp luật về quyền con người trước sự phát triển công nghệ;
4. Pháp luật đất đai trong xu hướng phát triển bền vững;
5. Pháp luật về phát triển quỹ đất để thu hút đầu tư – Thực tiễn tại các đô thị ở tỉnh, thành phía Nam;
6. Hoàn thiện pháp luật trong bối cảnh cải cách tư pháp (hình sự, dân sự) theo định hướng xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa;
7. Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực tư pháp người chưa thành niên;
8. Hoàn thiện pháp luật trong việc phòng chống tội phạm tham nhũng trong tình hình mới;
9. Quản lý nhà nước trong bối cảnh phát triển của quản trị quốc gia hiện đại;
10. Giải pháp nâng cao năng lực thực hiện pháp luật đối với cán bộ, công chức cấp xã;
11. Đánh giá khả năng tiếp cận đất đai của doanh nghiệp và đề xuất giải pháp cải thiện để thu hút đầu tư ở Thành phố Cần Thơ;
12. Khung pháp lý cho tài sản số, dữ liệu cá nhân và quản trị rủi ro trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng thời đại số;
13. Pháp luật về lao động và bảo hiểm xã hội (BHXH) trước tác động của chuyển đổi số và già hóa dân số;

14. Pháp luật về thị trường tín chỉ carbon và cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư – thương mại liên quan đến bảo vệ môi trường và phát triển bền vững;
15. Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) và các tiêu chuẩn bền vững trong ngành thủy sản hội nhập quốc tế.
16. Bảo vệ quyền lợi phụ nữ trong hôn nhân và gia đình ngày nay;
17. Phát triển nguồn nhân lực cho nhu cầu đổi mới ứng dụng công nghệ ở Đồng bằng sông Cửu Long;
18. Dịch chuyển lao động nông thôn ở Đồng bằng sông Cửu Long;
19. Giá trị sản phẩm xuất khẩu ở Đồng bằng sông Cửu Long;
20. Đời sống kinh tế của đồng bào người dân tộc ở Đồng bằng sông Cửu Long;
21. Chính sách đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ;
22. Chuyển đổi số và ứng dụng thương mại điện tử;
23. Vai trò của nữ giới trong kinh tế và kinh doanh;
24. Hành vi tiêu dùng xanh;
25. Thương mại điện tử và hành vi của người tiêu dùng;
26. Đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý nguồn nhân lực;
27. Phát triển kinh tế tư nhân và trách nhiệm xã hội;
28. Kinh tế tuần hoàn;
29. Quản trị thương hiệu doanh nghiệp trong kỷ nguyên số hóa;
30. Đầu tư của doanh nghiệp;
31. Tín dụng nông thôn và ngân hàng;
32. Phát triển thị trường theo hướng liên kết chuỗi và logistics;
33. Quy hoạch vùng kinh tế;
34. Kinh tế môi trường và giảm tác hại của hóa chất độc hại trong nông nghiệp.

X. TIỂU BAN KHOA HỌC NGOẠI NGỮ

1. Nghiên cứu việc thực hiện, hiệu quả chương trình dạy học ngoại ngữ theo cách tiếp cận phát triển năng lực cho người học;
2. Nghiên cứu đề xuất mô hình đào tạo, mô hình bồi dưỡng nguồn nhân lực ngoại ngữ; nghiên cứu về người dạy và người học ngoại ngữ;
3. Nghiên cứu việc sử dụng AI trong dạy học, kiểm tra đánh giá ngoại ngữ, ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng, văn hóa, văn chương, dịch thuật;
4. Nghiên cứu chính sách ngoại ngữ, chương trình dạy học ngoại ngữ, tổ chức thực hiện chương trình và đánh giá hiệu quả của chương trình, hiệu quả các chiến lược dạy học, EMI, CLIL trong bối cảnh tiếng Anh được dạy học như là ngôn ngữ thứ 2 trong nhà trường.

- Hết -